| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐOAN HÙNG**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2021
*V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG -TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Khanh**
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Đình Đại**
Ông **Trần Tuấn Anh**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Tiến Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2021/ TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2021/TB-TA ngày 01/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 4, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. ( Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huy H- Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 4, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. ( Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Huy H kết hôn ngày 28/2/2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh H tại Thôn 4, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng H thuận hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ

chồng đã sống ly thân, chị đã thuê nhà ở riêng. Nay xét thấy tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 03/04/2017 hiện đang ở cùng anh H, chị H nhiều lần muốn con nhưng anh H ngăn cấm không cho chị H đón con. Khi ly nguyện vọng của chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đan T, để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đan N. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

2. Bị đơn anh Nguyễn Huy H trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 28/2/2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh tại Thôn 4, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng H thuận hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, chị H thuê nhà ở riêng. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án H giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị H nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý nhưng với điều kiện anh phải được nuôi cả 02 con chung.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là: Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 03/04/2017 hiện đang ở cùng anh. Khi ly nguyện vọng của anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đan T và Nguyễn Đan N. Anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

Tòa án tiến hành H giải nhiều lần nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí năm 2015; Điểm a , khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

+ Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy H.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đan T, sinh ngày 03/04/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao con chung là Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 cho anh Nguyễn Huy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị H, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh H được quyền gặp gỡ và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hvà bị đơn là anh Nguyễn Huy H đều có nơi cư trú tại Thôn 4, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho và Thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh Nguyễn Huy H nhưng anh H không đến để tham gia xét xử. Căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Huy H.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh H tại Thôn 4, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng H thuận hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, chị H thuê nhà ở riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án H giải để vợ chồng đoàn tụ. Trong trường hợp chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn  nhưng với điều kiện anh phải được nuôi cả 02 con. Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Thôn 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng được chính quyền địa phương cung cấp chị H và anh H trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh H không muốn ly hôn với chị H vì anh H muốn níu kéo để được nuôi cả 02 con. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau, chị H đã thuê nhà ở, không sống cùng với anh H. Mặc dù anh H muốn níu kéo tình cảm và đề nghị Tòa án H giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng, chính vì vậy chị H vẫn nhất quyết ly hôn với anh H. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H là mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung khụng thể kộo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần xử cho Chị H được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H thống nhất có 02 con chung là: Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 và Nguyễn Đan T, sinh ngày 03/04/2017 hiện đang ở cùng anh H, chị H nhiều lần muốn con nhưng anh H ngăn cấm không cho chị H đón con. Khi ly nguyện vọng của chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đan T, để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đan N. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh H có nguyện vọng được trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị H và anh H là hoàn toàn chính đáng, nguyện vọng của cháu Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 xin được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Cháu Nguyễn Đan T, sinh ngày 03/04/2017 còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ đồng thời chị H cũng tha thiết xin được nuôi cháu Nguyễn Đan T. Chị H hiện đang là giáo viên mầm non, anh H là lao động tự do có thu nhập nhưng không đều. Do vậy để đảm bảo cuộc sống của hai con sau khi chị H, anh H ly hôn. Cần giao con chung là Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao con chung là Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị H, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung, về công sức: Chị H, anh H xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xột xử không xem xét.

[5]Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử: cho chị chị Nguyễn Thị Hđược ly hôn anh Nguyễn Huy H.

2. Về con chung:

+ Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Đan T, sinh ngày 03/04/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên.

+ Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Đan N, sinh ngày 01/7/2013 cho anh Nguyễn Huy H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị H, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ. Xác nhận đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002176 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ỏn hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự
- VKSND huyện Đoan Hùng
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng
- Lưu HS + VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khanh**